TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2023/HNGĐ-PT
Ngày: 12- 7- 2023
V/v Chia tài sản chung
và nợ chung sau ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Chọn

Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2023/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 07/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Thanh B, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp RS 2, xã P Đ, huyện V T, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Xuân T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp MDA, xã MT, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

1. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp VT, xã V P, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

2. Chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp RS 2, xã P Đ, huyện VT, Kiên Giang.

3. Chị Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp C Đ 2, xã VP, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Nguyễn Xuân T.

(Anh B, chị T có mặt; anh Đ, chị L, chị T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn anh Huỳnh Thanh B trình bày:* Anh và chị Nguyễn Xuân T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng do hôn nhân không hạnh phúc nên hai bên đã ly hôn với nhau và được Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận sự Tận tình ly hôn số 106/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020. Khi giải quyết việc ly hôn về tài sản chung và nợ chung giữa anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để tự thỏa Tận với nhau.

Do sau đó giữa hai bên thỏa Tận giải quyết không thống nhất với nhau nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung.

Về tài sản chung: anh chị có một căn nhà cấp 4 (một trệt, một lầu) diện tích ngang 05m x dài 20m, xây dựng vào năm 2018 trên phần đất Tộc tài sản riêng của chị T, tọa lạc tại ấp MK, xã MT, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Căn nhà trị giá khoảng 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng). Anh đồng ý giao căn nhà cho chị T quản lý sử dụng, yêu cầu chị T giao trả cho anh 50% giá trị căn nhà là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Về nợ chung: Nợ Cửa hàng Vật liệu xây dựng Đ Hữu N số tiền 79.450.000đ (Bảy mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng); Ngân hàng TMCP Kiên Long số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng); Chị Huỳnh Thị Kim T để xây dựng nhà là 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng); Chị Huỳnh Thị L để xây dựng nhà là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Tổng số nợ trên là 224.450.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Bạch yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số nợ trên, Anh và chị T mỗi người có trách nhiệm trả ½ số tiền là 112.225.000đ (Một trăm mười hai triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- *Bị đơn chị Nguyễn Xuân T trình bày:* Về hôn nhân thống nhất như anh B trình bày. Tháng 9 năm 2018 anh chị có xây 01 căn nhà gồm 01 trệt, 02 lầu trên phần đất riêng của chị tại ấp MK, xã M T trị giá 700.000.000đ. Ly hôn theo Quyết định công nhận sự Tận tình ly hôn số 106/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020. Các khoản chi phí cất nhà giữa chị và anh B đã làm biên bản thỏa thuận và thống nhất khi bán căn nhà thanh toán các khoản đã kê khai kể cả phần nợ, phần còn lại chia làm hai cho chị và anh B.

Nhưng sau khi ly hôn anh B không cùng chị trả nợ như đã thỏa Tận và các khoản nợ đó chị cũng tự thanh toán cho các Ngân hàng theo thời gian. Riêng đối với số tiền mua vật tư xây dựng của của hàng Hữu Nghị chị đã trả 65.717.000đ chỉ còn nợ 64.000.000đ.

Anh B cho rằng khi cất nhà có mượn tiền của chị, em ruột anh B là chị L và chị T thì chị không thống nhất và chị khẳng định là không có. Vì khi cất nhà chị và anh B đã kê khai tất cả các khoản tiền, vàng riêng và chung, thống nhất ký tên trong biên bản thỏa thuận. Vì vậy nội dung anh Bạch yêu cầu là sai sự thật, chị không thống nhất.

Sau khi ly hôn có người hỏi mua căn nhà với giá là 800.000.000đ thì chị cũng đồng ý bán nhưng anh ngăn cản không cho bán căn nhà, còn nợ thì yêu cầu chị trả. Chị thừa nhận biên bản thỏa Tận phân chia tài sản ngày 19/6//2020 là do chị và anh B lập trước khi ly hôn vì lúc đó mâu Tẫn vợ chồng trầm trọng nên mới lập biên bản thỏa Tận cho rõ ràng.

Đối với số nợ của Ngân hàng Nông nghiệp thì chị đã trả xong, còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội thì chưa trả.

Chị đồng ý giao nhà và đất cho anh B và anh B có trách nhiệm trả lại giá trị nền nhà theo giá thị trường và số tiền riêng của chị dùng để cất nhà là 55 chỉ vàng 24k và số tiền 117.000.000đ. Đối với số nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Ngân hàng Kiên Long thì chị đã trả xong. Còn số nợ của Ngân hàng chính sách xã hội và Cửa hàng vật liệu xây dựng Hữu Nghị thì giao cho anh B trả.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ (Chủ Cửa hàng VTXD Hữu Nghị) trình bày: Anh có bán vật liệu xây dựng nhà cho anh B, chị T từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 02 năm 2020, chốt nợ tháng 3 năm 2020 vợ chồng anh Bạch, chị T còn nợ lại số tiền là 79.453.640đ. Anh B thừa nhận còn thiếu anh số tiền nêu trên.

Anh B chị T đã ly hôn nhưng đến nay vẫn chưa trả số tiền trên cho anh. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh B, chị T trả cho anh số tiền 79.453.640đ (Bảy mươi chín triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm bốn mươi đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị L trình bày:

Trong năm 2019, anh B mượn tiền của chị nhiều lần để cất nhà. Sau đó anh B có trả tiền cho chị, còn nợ lại số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh B, chị T trả cho bà số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng), mỗi người trả ½ số nợ này, không yêu cầu tính lãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Kim Thi trình bày:

Chị cho vợ chồng anh B, chị T mượn số tiền là 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng) để xây dựng nhà và trả tiền vay Ngân hàng. Anh B và chị T đã ly hôn nhưng đến nay vẫn chưa trả số tiền trên cho chị. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Bạch, chị T trả cho bà số tiền 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng), mỗi người trả ½ số nợ này, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U MT, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh B đối với chị Nguyễn Xuân T về tranh chấp tài sản chung là căn nhà.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Thanh B về việc không chịu khấu trừ số tiền và vàng riêng của chị Nguyễn Xuân T vào giá trị căn nhà.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Thanh B về chia nợ chung.

Chấp nhận phần yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ, chị Huỳnh Thị Kim Thi, chị Huỳnh Thị L đối với anh Huỳnh Thanh B.

2. Giao cho chị Nguyễn Xuân T được quyền sỡ hữu căn nhà xây dựng trên phần đất của chị Nguyễn Xuân T, tọa lạc tại ấp MK, xã MT, huyện U MT, tỉnh Kiên Giang.

Kết cấu và diện tích căn nhà được thể tại phụ lục 3 của Chứng thư định giá số Vc22/5/52/CT-TVAP ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng.

Chị Nguyễn Xuân T có trách nhiệm hoàn trả lại ½ giá trị căn nhà cho anh Huỳnh Thanh Bạch với số tiền là 438.367.000đ (Bốn trăm ba mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn đồng)

Anh Huỳnh Thanh B có trách nhiệm trả anh Nguyễn Văn Đ số tiền là 79.453.640đ (Bảy mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm bốn mươi đồng); trả cho chị Huỳnh Thị L số tiền nợ là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) và trả cho chị Huỳnh Thị Kim Th số tiền là 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác, báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, chị Nguyễn Xuân T nộp đơn kháng cáo với nội

dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh Huỳnh Thanh B hoàn trả cho chị số tiền 30.300.000đ (Ba mươi triệu ba trăm nghìn đồng) mà chị T đóng lãi 02 năm qua và trả vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, vì phần nợ này theo thỏa Tận anh B phải trả.

Không đồng ý nhà xây dựng tính giá trị chia lấy theo giá thẩm định mà theo thỏa Tận khi ly hôn. Do giá thẩm định cao và không đúng thực tế hiện trạng căn nhà.

Không nhận nhà mà nhận giá trị nhà vì thực tế hoàn cảnh và T nhập của chị T không có khả năng hoàn trả 400.000.000đ cho anh Bạch và căn nhà trên do xây lệch vị trí đất nên không thể bán nhà gắn liền với đất. Xét theo công tạo lập và đóng góp anh Bạch chỉ được nhận 1 phần giá trị tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị T rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu anh B có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 30.300.000đ chị T trả Ngân hàng Chính sách mà theo Biên bản thỏa Tận 19/6/2020 do anh B trả. Không yêu cầu định giá lại do không có tiền nộp phí định giá. Chị T không nhận nhà mà yêu cầu giao nhà cho anh B sở hữu, anh Bạch có nghĩa vụ trả giá trị nền nhà cho chị 800.000.000đ và tiền riêng chị xây nhà là 117.000.000đồng + 55 chỉ vàng 24k. Nếu anh B không đồng ý nhận nhà thì yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi, sau khi trừ giá trị nền nhà và tiền vàng của riêng chị xây nhà, số tiền còn lại chia đôi.

Anh B không đồng ý yêu cầu kháng cáo của chị T, yêu cầu giữ y bản án sơ thẩm, không thương lượng, không nhận nhà đất do không có khả năng kinh tế hoàn trả giá trị nền nhà và giá trị nhà cho chị T. Anh B trình bày giá trị nhà hiện nay hơn 1,2 tỷ đồng, nhà xây dựng đúng vị trí đất không bị lệch vị trí như chị T trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy chị T cho rằng cấp Sơ thẩm định giá căn nhà cao so thực tế xây dựng nhưng không yêu cầu định giá lại, nhà xây gắn liền với QSD đất Tộc tài sản riêng chị T nên giao căn nhà cho chị T sở hữu, chị T giao lại cho anh Bạch ½ giá trị căn nhà sau khi trừ tài sản riêng của chị T đóng góp xây dựng là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của chị T do tại phiên tòa chị T rút một phần kháng cáo. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T về việc giao nhà đất cho ông B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U MT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ, chị Huỳnh Thị L, chị Huỳnh Thị Kim T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 295 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt Người liên quan trên.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa chị Nguyễn Xuân T rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu anh B có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 30.300.000đ. Căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Xuân T.

Xét kháng cáo của chị T về việc định giá căn nhà xây dựng trên QSD đất của chị Nguyễn Xuân T, tọa lạc tại ấp Minh Kiên, xã Minh Tận. Chị T cho rằng Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng định giá cao, không đúng hiện trạng nhà xây dựng. Tuy nhiên chị T không yêu cầu định giá lại, không có căn cứ khác chứng minh về giá cao. Anh B không yêu cầu định giá lại, cho rằng việc định giá tại Tòa cấp sơ thẩm là phù hợp hiện trạng nhà xây dựng do có tính tiền công xây dựng mà khi thỏa Tận chia tài sản chưa tính. Do vậy căn cứ khoản 5 Điều104 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét lại giá trị nhà theo kháng cáo của chị T.

Tại phiên tòa chị T thay đổi kháng cáo về cách phân chia giá trị nhà là tài sản chung, nếu anh B nhận nhà và giao lại số tiền vàng chị đã đưa vào xây nhà cùng với giá trị nền nhà 800.000.000đ thì chị không chia giá trị nhà. Anh B không đồng ý nhận nhà theo yêu cầu của chị T do không có khả năng kinh tế hoàn trả giá trị.

Xét thấy anh B và chị T đều không có yêu cầu sử dụng căn nhà là tài sản chung. Căn nhà hai bên tranh chấp phân chia giá trị được xây dựng gắn liền trên diện tích QSD đất Tộc tài sản riêng của chị T. Do vậy Bản án sơ thẩm giao nhà cho chị T sở hữu, chị T giao lại cho anh B ½ giá trị nhà sau khi trừ số tiền vàng chị T đưa vào xây nhà là có căn cứ theo quy định pháp luật về phân chia tài sản chung. Nếu chị T không có nhu cầu sử dụng nhà thì có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án bán để thực hiện phân chia khi bản án có hiệu lực.

Trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của bà T về số tiền trả Ngân hàng chính sách; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T về việc phân chia tài sản giá trị căn nhà xây trên QSD đất Tộc tài sản riêng của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá giữ nguyên theo bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Án phí sơ thẩm giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Xuân T phải chiụ 300.000đ, khấu trừ tạm ứng án phí phúc thẩm chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai T số 0005865 ngày 31/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U M T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 59, điều 60 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014

Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Xuân T về yêu cầu anh Huỳnh Thanh Bạch hoàn trả số tiền 30.300.000đ.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Xuân T về việc phân chia tài sản giá trị căn nhà xây dựng trên QSD đất Tộc tài sản riêng của chị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U MT.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Thanh B đối với chị Nguyễn Xuân T về tranh chấp tài sản chung là căn nhà xây dựng trên QSD đất của chị Nguyễn Xuân T, tọa lạc tại ấp Minh Kiên, xã Minh Tận, huyện U MT, tỉnh Kiên Giang.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Thanh B về việc không khấu trừ số tiền và vàng riêng của chị Nguyễn Xuân T vào giá trị căn nhà.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Thanh B về việc buộc chị T cùng trả nợ.

Chấp nhận một phần yêu cầu của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Văn Đ, chị Huỳnh Thị Kim Thi, chị Huỳnh Thị L đối với anh Huỳnh Thanh B.

2. Giao cho chị Nguyễn Xuân T quyền sỡ hữu căn nhà xây dựng trên QSD đất Tộc tài sản riêng chị Nguyễn Xuân T, tọa lạc tại ấp MK, xã M T, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Kết cấu và diện tích căn nhà được thể hiện tại phụ lục 3 của Chứng thư định giá số Vc22/5/52/CT-TVAP ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng (kèm theo bản án).

Chị Nguyễn Xuân T có trách nhiệm hoàn trả ½ giá trị căn nhà cho anh Huỳnh Thanh Bạch với số tiền là 438.367.000đ (Bốn trăm ba mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

3. Về nợ:

Anh Huỳnh Thanh B có trách nhiệm trả anh Nguyễn Văn Đ số tiền là 79.453.640đ (Bảy mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm bốn mươi đồng); trả cho chị Huỳnh Thị L số tiền nợ là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) và trả cho chị Huỳnh Thị Kim Thi số tiền là 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chi phí định giá: Chi phí định giá theo hóa đơn gía trị gia tăng ngày 02/6/2022 của Công ty TNHH định gía Thịnh Vượng là 6.000.000đ anh Huỳnh Thanh B phải nộp và đã nộp xong.

5. Án phí:

- Án phí sơ thẩm: anh Huỳnh Thanh B phải nộp trên giá trị nhà được chia và trả nợ là 27.313.000đ. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh B nộp 10.000.000đ theo biên lai T số 0000654 ngày 08/3/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, anh B còn phải nộp 17.313.000đ (Mười bảy triệu ba trăm mười ba nghìn đồng).

Chị Nguyễn Xuân T phải nộp án phí trên giá trị tài sản nhà được chia là 21.534.680đ (Hai mươi mốt triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

Anh Nguyễn Văn Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp1.980.000đ theo biên lai T số số 0003334 ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Chị Huỳnh Thị Kim T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.200.000đ theo biên lai T số số 0003310 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Chị Huỳnh Thị L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 425.000đ theo biên lai T số số 0003309 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Xuân T phải chịu án phí 300.000đ, khấu trừ tạm ứng án phí phúc thẩm chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai T T số 0005865 ngày 31/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Vĩnh Tận;
- THA dân sự huyện Vĩnh Tận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hường